

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KS
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2023/HS-ST
Ngày 21 tháng 7 năm 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hữu Lộc.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vi Thị Khiếu
Ông Thái Đình Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Già Bá Lầu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 12/2023/TLST-HS ngày 14 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vi Thị O**, tên gọi khác: không;

Sinh ngày 03/10/1983 tại xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An;

Nơi cư trú: Bản HL, xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam; con ông Vi Thanh Đ (đã chết) và bà Lữ Thị D (đã chết); có chồng là Vi Hoàng T và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Vi Thị O bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/12/2022 đến nay, hiện đang tại ngoại. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Công Th - Trợ giúp viên pháp lý, công tác Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lô Thị B, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản XT, xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt;

2. Chị Lô Thị H, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Bản HL, xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2020 đến năm 2021, Vi Thị O đã thực hiện nhiều hành vi cho người dân xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay tiền với lãi suất 120%/01 năm. Cụ thể như sau:

Hành vi thứ nhất:

Ngày 04/3/2020, Vi Thị O cho Lô Thị B, sinh năm 1982, trú tại bản XT, xã ML, huyện KS, tỉnh Nghệ An vay số tiền 20.000.000 đồng trong thời hạn 04 tháng. Hai bên thoả thuận bằng miệng mức lãi suất 2.000.000 đồng/ tháng (tương đương lãi suất 10%/ tháng và 120%/ năm), tiền lãi suất Lô Thị B phải trả cho Vi Thị O hàng tháng, còn tiền gốc đến ngày 04/7/2020 trả một lần đầy đủ.

Thời gian từ ngày 04/3/2020 đến ngày 04/7/2020 (04 tháng) tổng số tiền lãi suất Lô Thị B trả cho Vi Thị O là 8.000.000 đồng, còn tiền vay gốc 20.000.000 đồng đến ngày 04/7/2020 Lô Thị B chưa có khả năng trả nên Vi Thị O và Lô Thị B tiếp tục thỏa thuận trả tiền lãi suất 2.000.000 đồng/ tháng (tương đương lãi suất 10%/ tháng và 120%/ năm) tính từ ngày 04/7/2020 cho đến khi trả hết số tiền gốc 20.000.000 đồng. Từ ngày 04/7/2020 Lô Thị B chưa trả thêm tiền lãi suất cho Vi Thị O.

Đến ngày 04/3/2021 do hoàn cảnh khó khăn nên Lô Thị B trả 10.000.000 đồng tiền vay gốc cho Vi Thị O đồng thời xin Vi Thị O chỉ tính tiền lãi suất đến ngày 04/3/2021 thì Vi Thị O đồng ý. Tổng cộng Lô Thị B còn nợ Vi Thị O số tiền 26.000.000 đồng (gồm: 10.000.000 đồng tiền vay gốc và 16.000.000 đồng tiền lãi suất tính đến ngày 04/3/2021). Như vậy thời gian từ ngày 04/3/2020 đến 04/3/2021, mức lãi suất Vi Thị O áp dụng để cho Lô Thị B vay tiền cao gấp 5 lần mức lãi suất tối đa cho phép, cụ thể:

Số tiền lãi suất theo thỏa thuận mà Lô Thị B phải trả cho Vi Thị O từ ngày 04/3/2020 đến ngày 04/3/2021 (12 tháng) là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} = 24.000.000 \text{ đồng}$. Trong khi đó số tiền lãi suất cao nhất mà Vi Thị O được phép thu theo quy định của pháp luật trong khoảng thời gian này là: $20.000.000 \text{ đồng} \times (20\% / 12 \text{ tháng}) \times 12 \text{ tháng} = 4.000.000 \text{ đồng}$. Theo quy định thì mức lãi suất cao nhất Vi Thị O được phép thu của Lô Thị B từ ngày 04/3/2020 đến 04/7/2020 (04 tháng) là $20.000.000 \text{ đồng} \times (20\% / 12 \text{ tháng}) \times 4 \text{ tháng} = 1.333.333 \text{ đồng}$.

Số tiền lãi suất Vi Thị O mong muốn thu lợi bất chính từ số tiền cho Lô Thị B vay (20.000.000 đồng) trong thời gian từ ngày 04/3/2020 đến 04/3/2021 (12 tháng) là: $24.000.000 \text{ đồng} - 4.000.000 \text{ đồng} = 20.000.000 \text{ đồng}$. Thực tế Vi Thị O đã thu lợi bất chính là: $8.000.000 \text{ đồng} - 1.333.333 \text{ đồng} = 6.666.667 \text{ đồng}$.

Hành vi thứ hai:

Ngày 18/5/2020, Vi Thị O tiếp tục cho Lô Thị B vay số tiền 20.000.000 đồng. Tiền lãi suất thỏa thuận bằng miệng là 2.000.000 đồng/ tháng (tương đương 10%/ tháng và 120%/ năm), tiền lãi suất trả định kỳ hàng tháng cho đến khi trả hết số tiền vay gốc 20.000.000 đồng. Trong đó:

Từ ngày 18/5/2020 đến ngày 25/7/2020 (02 tháng 07 ngày), tổng số tiền lãi suất Lô Thị B đã trả cho Vi Thị O là 4.500.000 đồng. Từ ngày 25/7/2020, Lô Thị B chưa trả thêm tiền lãi suất cho Vi Thị O.

Ngày 18/01/2021, do hoàn cảnh khó khăn nên Lô Thị B xin Vi Thị O chỉ phải trả tiền lãi suất từ ngày 25/7/2020 đến ngày 18/01/2021, không tính tiền lãi suất từ ngày 18/01/2021 trở về sau thì Vi Thị O đồng ý. Như vậy, Lô Thị B còn nợ Vi Thị O 20.000.000 đồng tiền gốc và 11.500.000 đồng tiền lãi suất. Trong thời gian từ ngày 18/5/2020 đến 18/01/2021 mức lãi suất Vi Thị O áp dụng để cho Lô Thị B vay tiền cao gấp 5 lần mức lãi suất tối đa cho phép, cụ thể:

Số tiền lãi suất theo quy định của pháp luật mà Lô Thị B phải trả cho Vi Thị O từ ngày 18/5/2020 đến 18/01/2021 (08 tháng) là: 20.000.000 đồng x (20%/ 12 tháng) x 8 tháng = 2.666.667 đồng. Trong khi đó số tiền lãi suất cao nhất mà Vi Thị O được phép thu theo quy định của pháp luật trong khoảng thời gian từ ngày 18/5/2020 đến ngày 25/7/2020 (68 ngày) là: 20.000.000 đồng x (20%/ 365 ngày) x 68 ngày = 745.205 đồng.

Số tiền lãi suất Vi Thị O mong muốn thu lợi bất chính từ số tiền cho Lô Thị B vay (20.000.000 đồng) trong thời gian từ ngày 18/5/2020 đến 18/01/2021 (8 tháng) là 16.000.000 đồng- 2.666.667 đồng = 13.333.333 đồng. Thực tế Vi Thị O đã thu lợi bất chính số tiền: 4.500.000 đồng - 745.205 đồng= 3.754.795 đồng.

Hành vi thứ ba:

Ngày 04/3/2020 Vi Thị O cho Lô Thị H, sinh năm 1991, trú tại bản HL, xã ML, huyện KS vay số tiền 20.000.000 đồng với thời hạn 12 tháng (từ 04/3/2020 đến 04/3/2021). Mức lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng là 3.000.000 đồng/ tháng (tương đương với 180%/ năm), tiền lãi suất trả định kỳ hàng tháng, còn tiền gốc đến ngày 04/3/2021 trả một lần đầy đủ. Tuy nhiên đến ngày 05/4/2020, Lô Thị H chưa trả tiền lãi suất cho Vi Thị O nhưng lại muốn vay thêm tiền nên Vi Thị O tiếp tục cho Lô Thị H vay thêm số tiền 40.000.000 đồng. Như vậy, tổng số tiền Vi Thị O cho Lô Thị H vay là 60.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lại tiền lãi suất là 6.000.000 đồng/ tháng (tương đương lãi suất 10%/ tháng và 120%/ năm), thời hạn cho vay là 6 tháng, không tính tiền lãi suất trước đó mà bắt đầu tính lại từ ngày 05/4/2020, trả tiền lãi suất định kỳ hàng tháng, còn tiền gốc đến ngày 05/10/2020 phải trả một lần đầy đủ.

Thời gian từ ngày 05/4/2020 đến ngày 05/10/2020 (6 tháng), tổng số tiền lãi suất mà Lô Thị H đã trả cho Vi Thị O là 36.000.000 đồng, còn tiền gốc đến ngày 05/10/2020, Lô Thị H chưa có khả năng trả nên Vi Thị O và Lô Thị H tiếp

tục thỏa thuận trả tiền lãi suất 6.000.000 đồng/ tháng (tương đương lãi suất 10%/ tháng và 120%/ năm) từ ngày 05/10/2020 cho đến khi trả hết số tiền gốc 60.000.000 đồng. Ngày 05/11/2020, Lô Thị H trả cho Vi Thị O 6.000.000 đồng tiền lãi suất. Ngày 05/12/2020, Lô Thị H chỉ trả được cho Vi Thị O số tiền 4.500.000 đồng tiền lãi suất. Như vậy, tổng số tiền lãi suất mà Lô Thị H đã trả cho Vi Thị O từ ngày 05/4/2020 đến ngày 05/12/2020 là 46.500.000 đồng.

Ngày 05/5/2021, do hoàn cảnh khó khăn nên Lô Thị H xin Vi Thị O chỉ phải trả tiền lãi suất đến ngày 05/5/2021, không tính tiền lãi suất từ ngày 05/5/2021 trở về sau thì Vi Thị O đồng ý. Lô Thị H còn nợ Vi Thị O 60.000.000 đồng tiền gốc và 31.500.000 đồng tiền lãi suất. Ngày 22/7/2022, Lô Thị H chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng qua tài khoản Viettel Pay để trả tiền gốc. Như vậy, thời gian từ ngày 05/4/2020 đến ngày 05/5/2021 mức lãi suất Vi Thị O áp dụng để cho Lô Thị H vay tiền cao gấp 5 lần mức lãi suất tối đa cho phép, cụ thể:

Số tiền lãi suất theo thỏa thuận mà Lô Thị H phải trả cho Vi Thị O từ ngày 05/4/2020 đến ngày 05/5/2021 (13 tháng) là: 6.000.000 đồng x 13 tháng = 78.000.000 đồng.

Trong khi đó số tiền lãi suất cao nhất mà Vi Thị O được phép thu theo quy định của pháp luật trong khoảng thời gian này là: 60.000.000 đồng x (20%/ 12 tháng) x 13 tháng = 13.000.000 đồng. Thực tế tiền lãi suất cao nhất được phép thu theo quy định mà Vi Thị O đã thu của Lô Thị H từ ngày 05/4/2020 đến ngày 05/12/2020 (8 tháng) là: 60.000.000 đồng x (20%/ 12 tháng) x 8 tháng = 8.000.000 đồng.

Số tiền lãi suất Vi Thị O mong muốn thu lợi bất chính từ số tiền cho Lô Thị H vay (60.000.000 đồng) từ ngày 05/4/2020 đến ngày 05/5/2021 là 78.000.000 đồng - 13.000.000 đồng = 65.000.000 đồng. Thực tế Vi Thị O đã thu lợi bất chính số tiền 46.500.000 đồng - 8.000.000 đồng = 38.500.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Vi Thị O mong muốn thu lợi bất chính từ việc cho Lô Thị B và Lô Thị H vay tiền là (1) + (3) + (5): 20.000.000 đồng + 13.333.333 đồng + 65.000.000 đồng = 98.333.333 đồng (Chín mươi tám triệu ba trăm ba mươi ba nghìn, ba trăm ba mươi ba đồng). Thực tế, Vi Thị O đã thu lợi bất chính là (2) + (4) + (6): 6.666.667 + 3.754.795 đồng + 38.500.000 đồng = 48.921.462 đồng (bốn mươi tám triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng).

Tại Cơ quan điều tra, Vi Thị O đã thành khẩn khai báo và thừa nhận hành vi phạm tội của mình, mục đích cho các cá nhân vay tiền là để thu lợi bất chính tiền lãi suất cao hơn so với mức lãi suất pháp luật quy định.

Cáo trạng số 21/CT-VKS-KS ngày 07/02/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Nghệ An đã truy tố bị cáo Vi Thị O về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo bị cáo Vi Thị O phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 35 Bộ luật Hình sự 2015 để xử phạt tiền bị cáo Vi Thị O từ 50.000.000 đồng đến 55.000.000 đồng (hình phạt chính); Về xử lý vật chứng và quyết định nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Về tội danh và điều luật áp dụng đồng ý với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, thuộc vùng sâu vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xử phạt bị cáo mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã chiếm đoạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Vi Thị O đồng ý với nội dung bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, bị cáo không có tranh luận gì. Bị cáo nói lời nói sau cùng: Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Bị cáo, người liên quan không có ý kiến gì hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay cũng như trong quá trình điều tra, bị cáo Vi Thị O đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án, phù hợp với Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Như vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2020 đến năm 2021, Vi Thị O đã có hành vi cho Lô Thị B và Lô Thị H vay với tổng số tiền 100.000.000 đồng nhằm thu lợi bất chính số tiền

98.333.333 đồng, trong đó số tiền thực tế Vi Thị O đã thu lợi bất chính là 48.921.462 đồng. Mức lãi suất Vi Thị O áp dụng (120%/ năm) cao gấp 6 lần mức lãi suất tối đa pháp luật cho phép (20%/ năm). Vì vậy, hành vi đó của bị cáo đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, bị cáo lợi dụng hoàn cảnh kinh tế khó khăn và sự thiếu hiểu biết của người dân để cho vay tiền với mức lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định để thu lợi bất chính, hành vi đó làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân; bị cáo có đầy đủ nhận thức và hiểu biết về hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bản thân bị cáo là giáo viên giữ chức vụ phó hiệu trưởng trường mầm non, là Đảng viên của Đảng Cộng sản Việt Nam nhưng bị cáo không gương mẫu mà đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi vi phạm. Do đó cần xử lý bị cáo Vi Thị O nghiêm minh trước pháp luật, tương xứng với hành vi bị cáo đã gây ra để cải tạo giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung. Mặc dù bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nhưng số tiền thu lợi bất chính mới chỉ một lần từ 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu) trở lên, do đó bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Phạm tội 02 lần trở lên” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[4] Bên cạnh đó, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có nhiều thành tích xuất sắc trong công tác giảng dạy được tặng giấy khen nên xét thấy cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Ngoài ra, bị cáo nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên cần áp dụng hình phạt tiền (là hình phạt chính) cho bị cáo cũng đủ tác dụng răn đe, cải tạo, giáo dục đối với bị cáo như đề nghị của Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện KS là đủ nghiêm, phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Các biện pháp tư pháp:

[5.1] Đối với số tiền gốc: $20.000.000đ + 20.000.000đ + 20.000.000đ + 40.000.000đ = 100.000.000$ đồng (Một trăm triệu) mà bị cáo Vi Thị O sử dụng cho chị Lô Thị B và chị Lô Thị H vay với lãi suất cao gấp 06 lần so với mức lãi suất tối đa trong giao dịch dân sự được quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân

sự. Đây là số tiền bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên được xác định là phương tiện phạm tội vì vậy cần truy thu nộp vào Ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Tuy nhiên bị cáo Vi Thị O mới thực nhận số tiền gốc là 10.000.000 đồng từ chị Lô Thị B và 1.000.000 đồng từ chị Lô Thị H, do đó, truy thu của bị cáo số tiền 11.000.000 đồng là số tiền gốc sử dụng vào việc phạm tội để nộp ngân sách nhà nước.

Còn lại số tiền 89.000.000 đồng tiền gốc mà Lô Thị B và Lô Thị H đã vay của Vi Thị O hiện chưa trả, đây cũng là tiền sử dụng vào việc phạm tội nên phải truy thu. Cụ thể truy thu của Lô Thị B 30.000.000 đồng, truy thu của Lô Thị H 59.000.000 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[5.2] Đối với khoản tiền lãi 10.078.538 đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm ba tám) không vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Vi Thị O đã thu của các cá nhân vay. Đây là số tiền mà bị cáo có được từ việc phạm tội mà có nên phải truy thu để nộp vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

[5.3] Đối với khoản tiền lãi: $6.666.667đ + 3.754.795đ + 38.500.000đ = 48.921.462$ đồng (Bốn mươi tám triệu, chín trăm hai mươi một nghìn, bốn trăm sáu mươi hai đồng) mà bị cáo Vi Thị O đã thu lợi bất chính của chị Lô Thị B và Lô Thị H vượt quá mức lãi suất tối đa quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Số tiền trên theo quy định tại khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự thì đây là tiền bị người phạm tội chiếm đoạt của người khác nên cần trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Cụ thể buộc bị cáo trả lại cho Lô Thị B số tiền đã chiếm đoạt là 10.421.462 đồng và trả lại cho Lô Thị H số tiền đã chiếm đoạt là 38.500.000 đồng.

[6] Về vật chứng vụ án: 01 điện thoại di động ViVo kiểu máy 1714 màu đen, số IMEI 1: 865569034525615, số IMEI 2: 865569034525608, bên trong máy có số thuê bao: 0989542217 và số thuê bao 0382060002 thu giữ của Vi Thị O, điện thoại được bị cáo Vi Thị O dùng để liên lạc về việc thực hiện hành vi phạm tội, đây là phương tiện phạm tội, do đó cần tịch thu, bán hóa giá sung công quỹ Nhà nước.

[7] Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[8] Về kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và mức hình phạt:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự: Tuyên bố bị cáo Vi Thị O phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Xử phạt tiền đối với bị cáo Vi Thị O 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

2. Các biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1, khoản 2 Điều 47, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật Hình sự:

- Truy thu của bị cáo Vi Thị O số tiền 11.000.000 đồng (Mười một triệu) là số tiền mà bị cáo Vi Thị O đã sử dụng vào việc phạm tội để nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lô Thị B số tiền 30.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội để nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lô Thị H số tiền 59.000.000 đồng là tiền sử dụng vào việc phạm tội để nộp ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Vi Thị O số tiền 10.078.538 đồng (Mười triệu không trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm ba mươi tám) là tiền có được từ việc phạm tội

- Buộc bị cáo Vi Thị O phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lô Thị B số tiền 10.421.462 đồng là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã chiếm đoạt của người vay.

- Buộc bị cáo Vi Thị O phải trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lô Thị H số tiền 38.500.000 đồng là tiền thu lợi bất chính mà bị cáo đã chiếm đoạt của người vay.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự: Tịch thu, bán hóa giá sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động ViVo kiểu máy 1714 màu đen, số IMEI 1: 865569034525615, số IMEI 2: 865569034525608, bên trong máy có số thuê bao: 0989542217 và số thuê bao 0382060002 thu giữ của Vi Thị O, vật chứng đang được bảo quản tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện KS tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/02/2023.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Vi Thị O phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 24/4/2023). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án đối với phần có liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án có phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải trả thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện KS;
- Công an huyện KS (Cơ quan điều tra, Cơ quan THA hình sự);
- Chi cục THA dân sự huyện KS;
- Bị cáo;
- Người liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, hồ sơ THAHS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Hữu Lộc